

**BÁO CÁO**

**Tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019  
và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2020**

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình THTK, CLP năm 2019 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 của tỉnh như sau:

**I. CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LẮNG PHÍ NĂM 2019**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Luật THTK, CLP**

*a) Về ban hành các văn bản triển khai, thực hiện công tác THTK, CLP*

Căn cứ Luật THTK, CLP năm 2013, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật THTK, CLP, Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 về việc ban hành Chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về THTK, CLP năm 2019; trong đó, đề ra các mục tiêu, yêu cầu và nhiệm vụ trọng tâm để triển khai THTK, CLP trên địa bàn tỉnh trong năm 2019; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng chương trình THTK, CLP cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, tiêu chí đánh giá tiết kiệm, chống lãng phí; xác định rõ trọng tâm và các giải pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu THTK, CLP gắn với công tác kiểm tra, giám sát; đặc biệt, quy định kết quả THTK, CLP là một trong các tiêu chí để đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường, chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên; quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; quản lý tài sản, tài chính của các doanh nghiệp nhà nước; quản lý, sử dụng điện; quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động; chấn chỉnh công tác quản lý, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy sản xuất kinh doanh; kiên toàn bộ máy hành chính nhà nước gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập;... tạo tiền đề quan trọng để đạt được những kết quả về THTK, CLP trong năm 2019.

*b) Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về THTK, CLP*

Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về THTK, CLP, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã triển khai, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên

chức, người lao động và toàn thể nhân dân về THTK, CLP, chủ yếu thông qua lồng ghép vào các hội nghị chuyên đề, tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, in ấn sao gửi các ấn phẩm, thông qua các cuộc họp giao ban, triển khai trên mạng liên thông (VIC),... nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, tạo sự chuyển biến tích cực và thống nhất về tư tưởng, hành động trong THTK, CLP.

### *c) Công tác thanh tra, kiểm tra THTK, CLP*

- Kết quả thanh tra hành chính: Ngành thanh tra đã tiến hành 55 cuộc thanh tra hành chính (theo kế hoạch 44 cuộc, đột xuất 11 cuộc), kết thúc thanh tra tại 41 đơn vị (đã ban hành kết luận 31 đơn vị). Qua thanh tra, phát hiện số tiền sai phạm 7,3 tỷ đồng; trong đó, kiến nghị thu hồi 02 tỷ đồng (đã thu hồi được 1,3 tỷ đồng), kiến nghị xử lý khác gần 5,3 tỷ đồng; ngoài ra, còn phát hiện vi phạm về đất đai 187.172,82 m<sup>2</sup>. Kiến nghị xử lý hành chính 05 tổ chức, 82 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra 03 vụ, 27 đối tượng.

- Kết quả thanh tra cụ thể trên một số lĩnh vực:

+ Về đầu tư, xây dựng cơ bản: Triển khai 03 cuộc, đã kết thúc và ban hành kết luận 03 cuộc. Qua thanh tra đã phát hiện sai phạm 42 triệu đồng (kiến nghị thu hồi 42 triệu đồng), kiến nghị xử lý hành chính 02 cá nhân.

+ Về quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách: Triển khai 24 cuộc, đã kết thúc 21 cuộc và ban hành kết luận 15 cuộc. Qua thanh tra, phát hiện vi phạm về kinh tế 7,1 tỷ đồng (kiến nghị thu hồi 1,9 tỷ đồng, kiến nghị khác 5,2 tỷ đồng). Kiến nghị xử lý hành chính 04 tổ chức, 33 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra 03 vụ, 27 đối tượng.

+ Về quản lý, sử dụng đất: Triển khai 07 cuộc, đã kết thúc 06 cuộc và ban hành kết luận 04 cuộc. Tổng diện tích vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng đất là 187.172,82 m<sup>2</sup>; kiến nghị xử lý hành chính 33 cá nhân.

- Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành: Đã triển khai thực hiện 3.235 cuộc; trong đó, số cuộc có thành lập đoàn là 545 cuộc (72 đoàn thanh tra), số cuộc thanh tra độc lập là 2.690 cuộc; số đối tượng được thanh tra, kiểm tra là 7.196 (6.286 cá nhân, 910 tổ chức). Những lĩnh vực thanh tra, kiểm tra chủ yếu là kinh doanh giống, thức ăn, thuốc phục vụ cho ngành nông nghiệp, thủy sản; bảo vệ nguồn lợi thủy sản; giao thông vận tải; văn hóa, thể thao và du lịch; xây dựng;...

Ngoài ra, trong năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã chỉ đạo chỉ đạo Sở Tài chính kiểm tra, chấn chỉnh việc triển khai, xây dựng, thực hiện Chương trình THTK, CLP tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả công tác THTK, CLP năm 2019 và trong thời gian tới.

## **2. Kết quả THTK, CLP**

### *a) Trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước*

Siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách, phân cấp triệt để nguồn thu đối với từng cấp ngân sách để quản lý, khai thác tối đa nguồn thu; phân cấp rõ nhiệm vụ chi để đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ, tránh chi tiêu chồng chéo. Định mức chi ngân sách chi tiết tới từng lĩnh vực, làm căn cứ lập, quản lý và điều hành chi ngân

sách. Qua đó, thực hiện tiết kiệm ngay từ khâu phân bổ và giao dự toán ngân sách năm 2019 theo Quyết định số 2371/QĐ-BTC ngày 19/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; thực hiện có hiệu quả chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính gắn với nhiệm vụ được giao; tiết kiệm trong sử dụng kinh phí thường xuyên theo tinh thần Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ cũng như các văn bản hướng dẫn thực hiện;... Kết quả đạt được như sau:

- Tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất như lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) 120,04 tỷ đồng, trong đó:

+ Cấp tỉnh: 58,94 tỷ đồng, tăng 33% so với năm 2018 (44,36 tỷ đồng) do các khoản chi hoạt động mang tính chất không tự chủ theo dự toán được cấp thẩm quyền giao cao hơn năm 2018;

+ Cấp huyện: 61,10 tỷ đồng, giảm 16% so với năm 2018 (72,32 tỷ đồng) do chi lương và các khoản có tính chất lương năm 2019 chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi thường xuyên so với năm 2018.

- Tiết kiệm chi quản lý hành chính như văn phòng phẩm, cước phí thông tin liên lạc, sử dụng điện, xăng, dầu, nước, công tác phí, hội nghị, hội thảo,...: 31,32 tỷ đồng (số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt), thấp hơn 25% so với cùng kỳ năm 2018 (41,47 tỷ đồng).

Ngoài ra, để khắc phục những hạn chế trong quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tăng cường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện nhiệm vụ gắn với dự toán kinh phí được giao; qua đó, đã điều chỉnh, thu hồi, cắt giảm dự toán đối với các khoản kinh phí dôi dư sau khi thực hiện nhiệm vụ hoặc dự kiến không thực hiện chi hết trong năm ngân sách. Kết quả đã thu hồi của các cơ quan, đơn vị 81,55 tỷ đồng để bố trí cho các nhiệm vụ chi cấp bách, bức thiết khác.

#### *b) Trong đầu tư xây dựng cơ bản*

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 được phân bổ kịp thời và đúng nguyên tắc bố trí vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm. Trong đó, ưu tiên bố trí vốn để thu hồi tạm ứng ngân sách, thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, những công trình đã hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn, bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài, vay ưu đãi, những công trình chuyển tiếp và chỉ bố trí cho dự án mới khi có đầy đủ thủ tục đầu tư theo đúng quy định. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng, các chủ đầu tư khẩn trương triển khai thực hiện; đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn đã được phân bổ trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả; tập trung xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, hoàn tạm ứng ngân sách và quyết toán các dự án hoàn thành; qua đó, việc đôn đốc, theo dõi tiến độ thực hiện, cũng như tiến độ giải ngân vốn được các chủ đầu tư quan tâm và tích cực thực hiện.

Kinh phí tiết kiệm được là 60,84 tỷ đồng, tăng 164% so với cùng kỳ năm 2018 (37,05 tỷ đồng), bao gồm:

- Tiết kiệm trong thẩm định, phê duyệt dự án, với số tiền 6,5 tỷ đồng (kết quả thẩm định thấp hơn giá trị đề nghị của chủ đầu tư);

- Tiết kiệm thông qua đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, với số tiền 38,78 tỷ đồng (kết quả đấu thầu dẫn đến giá trị các gói thầu trúng thầu thấp hơn giá trị dự toán phê duyệt, chỉ định thầu giảm giá 5% đối với công trình thủy lợi,... );

- Tiết kiệm trong quá trình thi công, đầu tư, với số tiền 1,58 tỷ đồng (giảm một số hạng mục công trình không cần thiết phải thực hiện);

- Trong công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán, với số tiền 13,98 tỷ đồng (không quyết toán đối với các chi phí không phù hợp theo chế độ hiện hành).

*c) Trong quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu*

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tập trung rà soát, xử lý một số nội dung công trình còn tồn đọng năm 2018 chuyển sang; đồng thời, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các tiêu chí chưa đạt đối với các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2019.

Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững được quy hoạch, điều tra, rà soát triển khai thực hiện kịp thời; quản lý và sử dụng vốn trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả; ưu tiên đối với các xã bãi ngang ven biển và hải đảo, các ấp, xã đặc biệt khó khăn; góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; giúp đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện môi trường sinh thái; diện mạo nông thôn thay đổi theo hướng tích cực; quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu, cũng như các chương trình mục tiêu quốc gia vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, chủ yếu là do nguồn lực còn hạn chế, nguồn vốn phân bổ chưa kịp thời.

Các dự án, công trình thực hiện theo hình thức nhà nước và nhân dân cùng thực hiện hoặc có sự đóng góp của nhân dân đều có sự tham gia giám sát của cộng đồng dân cư theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đầu tư đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020.

*d) Trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, tài sản công*

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng trụ sở làm việc đúng quy định; thường xuyên duy tu, sửa chữa, cải tạo phù hợp với điều kiện công tác, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và lâu dài; thực hiện phân cấp quản lý đối với các dự án, công trình phúc lợi công cộng nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, bảo quản tài sản công cộng; bố trí, quản lý, sử dụng nhà công vụ theo đúng chế độ, tiêu chuẩn quy định.

Về lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư: Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định thành lập Tổ công tác kiểm tra hiện trạng, lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; hiện nay, Tổ kiểm tra đã tổng hợp phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh. Qua đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Phương án xử lý 34 cơ sở nhà, đất; trong đó, có 20 cơ sở nhà, đất dôi dư đề xuất bán đấu giá; cơ quan chuyên môn đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt 163

cơ sở nhà, đất (chưa phê duyệt); trong đó, phần lớn là các điểm trường đã thực hiện xóa điểm lẻ do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau quản lý, có nguồn gốc đất do các hộ dân hiến tặng hoặc cho mượn.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt chủ trương sử dụng tài sản công mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; tính đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê của 36 đơn vị trong tổng số 57 đề án đã được cơ quan chuyên môn thẩm định.

*d) Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại; phương tiện, thiết bị làm việc*

Việc trang bị tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; cơ bản đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít cơ quan, đơn vị trang bị tài sản cao hơn so với tiêu chuẩn, định mức quy định.

Việc mua sắm các trang thiết bị làm việc được thực hiện theo phương thức tập trung, góp phần tiết kiệm cho ngân sách nhà nước; hiện nay Trung tâm Dịch vụ tài chính công trực thuộc Sở Tài chính (là cơ quan được giao nhiệm vụ mua sắm tập trung) đã thực hiện hoàn thành công tác mua sắm tập trung năm 2019 để phục vụ hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, qua đó tiết kiệm được 3,06 tỷ đồng. Đặc biệt, không mua sắm xe ô tô (trừ xe ô tô chuyên dùng), trang thiết bị đắt tiền.

Tiếp tục thực hiện Đề án thí điểm quản lý xe ô tô công tập trung của các đơn vị cấp tỉnh, đảm bảo sử dụng tài sản công hiệu quả, đúng mục đích, có sự quản lý tập trung, chuyên nghiệp, bước đầu đã đạt được kết quả tích cực (giảm số lượng xe ô tô hiện có tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh từ 138 xe xuống còn 78 xe; giảm được số lượng tài xế từ 109 người xuống còn 65 người; giảm chi phí, diện tích xây dựng nơi quản lý xe, khai thác tối đa hiệu quả công suất của xe, đáp ứng kịp thời yêu cầu phục vụ công tác trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có trụ sở trên địa bàn thành phố Cà Mau), góp phần đưa công tác kiểm tra, kiểm soát việc quản lý, sử dụng tài sản là xe ô tô công toàn diện và mang tính hệ thống. Đối với các xe ô tô dôi dư sau khi thực hiện Đề án đủ điều kiện thanh lý, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính thực hiện thanh lý theo quy định; đến nay đã hoàn tất việc thanh lý 53 xe ô tô (04 đợt thanh lý).

*e) Về quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên*

- Về quản lý, khai thác và sử dụng đất đai: Nhìn chung, các cơ quan, tổ chức, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất sử dụng đất đúng mục đích được giao, cho thuê; tuy nhiên, qua kiểm tra vẫn còn xảy ra tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, không hiệu quả, cơ quan chuyên môn đã kiến nghị thu hồi 287,47 ha đất đã giao cho 08 tổ chức (Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ, Công ty Cổ phần Khánh Linh, Trung tâm Giống nông nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trường Tiểu học Phong Lạc - Khu B - huyện Trần Văn Thời, Công ty Vật tư tổng hợp Minh Hải, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện U Minh, Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh, Cơ sở Cai nghiện ma túy trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản: Phần lớn các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh chưa thể khai thác, chỉ khoanh vùng quản lý, bảo vệ theo quy định; vì vậy, thời gian qua Ủy ban nhân dân tỉnh chưa thực hiện việc cấp phép cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào để khai thác, nạo vét, tận thu khoáng sản; tuy nhiên, qua kiểm tra đã phát hiện 03 vụ việc vi phạm trong khai thác khoáng sản, xử phạt 215 triệu đồng, tịch thu 51,15 triệu đồng<sup>(1)</sup>. Bên cạnh đó, từ đầu năm đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp giấy phép khai thác nước dưới đất và xả thải vào nguồn nước cho 22 tổ chức, với lưu lượng khai thác là 15.689 m<sup>3</sup>/ngày đêm và lưu lượng xả thải là 2.455 m<sup>3</sup>/ngày; qua kiểm tra các cơ sở khai thác nước dưới đất cho thấy, hầu hết các cơ sở chưa lắp đặt thiết bị đo lưu lượng khai thác, chưa thực hiện chương trình quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước và báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước dưới đất cho cơ quan cấp phép đúng theo quy định. Về việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải, đến nay đã có 60/62 tổ chức thuộc đối tượng phải xây dựng đã xây dựng và vận hành theo quy định.

- Trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên rừng, biển: Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô đang được các chủ rừng thực hiện quyết liệt theo phương châm “4 tại chỗ”<sup>(2)</sup>; các giải pháp bảo vệ và phát triển rừng được tăng cường, đặc biệt là rừng phòng hộ ven biển, rừng đặc dụng; thực hiện nghiêm việc đóng cửa rừng tự nhiên; công tác tuần tra, kiểm tra kiểm soát các hoạt động khai thác rừng, biển trái phép được tăng cường; kết quả đã phát hiện và xử phạt 107 vụ việc vi phạm, với số tiền 565 triệu đồng.

+ Về điện gió: Tính đến thời điểm hiện tại, có 08 dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư (có 01 dự án trễ hạn); 08 dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Công Thương bổ sung vào quy hoạch; 06 dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương lập hồ sơ bổ sung vào quy hoạch; 05 dự án Sở Công Thương đang xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương lập hồ sơ bổ sung quy hoạch; 05 dự án đang được các nhà đầu tư tiếp cận nghiên cứu làm cơ sở đề xuất bổ sung vào quy hoạch. Tuy nhiên, hiện nay chưa có dự án nào được triển khai thực hiện do gặp khó khăn, vướng mắc về hồ sơ, thủ tục giao khu vực biển, bổ sung quy hoạch, nhà đầu tư có yếu tố nước ngoài,...

+ Về điện mặt trời: Tiềm năng phát triển năng lượng mặt trời tại các khu vực biển trên địa bàn tỉnh đến năm 2035 là 1.500 MW. Trong giai đoạn quy hoạch 2016 - 2020 là 25 MW tại huyện Ngọc Hiển; hiện nay đã có 01 nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án 50 MW, đã được Bộ Công Thương thẩm định hồ sơ xin bổ sung vào quy hoạch, đang trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Bộ Công Thương bổ sung quy hoạch nhà máy điện mặt trời kết hợp nuôi trồng thủy sản Cà Mau 1 công suất 1.000 MW tại xã Khánh Tiến, huyện U Minh.

+ Về điện sinh khối: Trong giai đoạn quy hoạch đến năm 2025, công suất điện đốt rác là 8 MW (tại huyện Cái Nước là 4 MW và huyện U Minh là 4 MW); hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp chủ trương đầu tư cho 01 nhà đầu tư thực

<sup>(1)</sup> Do Tổ kiểm tra liên ngành được Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình đã thành lập để kiểm tra việc khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện.

<sup>(2)</sup> Phương châm “4 tại chỗ”: Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ.

hiện đầu tư nhà máy điện đốt rác tại huyện Cái Nước, với công suất 4 MW (đang thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư). Công suất nhà máy điện gỗ tại xã Khánh An, huyện U Minh 24 MW, hiện đã có nhà đầu tư tiếp cận, đề xuất dự án với công suất 12 MW.

*g) Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước*

- Tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát, sắp xếp tổ chức, bộ máy trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm định Đề án vị trí việc làm trên tinh thần cắt giảm biên chế, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị. Tính đến ngày 15/5/2019, đã thực hiện tinh giản biên chế đợt 01 năm 2019 đối với 350 trường hợp và tinh giản biên chế đợt II năm 2019 đối với 190 trường hợp).

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Hội đồng thẩm định Đề án vị trí việc làm các cơ quan hành chính nhà nước; qua đó, thực hiện thẩm định đề án vị trí việc làm trên tinh thần cắt giảm biên chế, sắp xếp lại tổ chức của các cơ quan, đơn vị. Thông qua việc thí điểm sáp nhập một số cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng tương đồng, cắt giảm những vị trí trung gian,... ; kết quả đã giảm được 45/270 phòng, ban, chi cục và tương đương (cấp tỉnh 32/157; cấp huyện 13/113); biên chế hành chính giảm 285/2.269 biên chế (so với năm 2015).

- Thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy trong nội bộ cơ quan, đơn vị (có 06 cơ quan, đơn vị đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sắp xếp gồm: Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thanh tra tỉnh); 01 cơ quan (Sở Tư pháp) đã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; 04 cơ quan đã xây dựng Đề án vị trí việc làm và gửi lấy ý kiến đóng góp gồm các Sở: Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giải thể Ban Quản lý Khu sinh quyển Mũi Cà Mau chuyển nhiệm vụ về Chi Cục Lâm nghiệp Cà Mau. Đã có 07/11 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh gửi phương án sắp xếp vị trí việc làm cho cơ quan chuyên môn chờ thông qua Hội đồng, gồm: Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng, Ban Quản lý dự án công trình Giao thông, Ban Quản lý các dự án ODA và NGO, Báo ảnh Đất Mũi, Vườn Quốc gia U Minh Hạ, Trường Cao đẳng Nghệ Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau, Trường Cao đẳng Y tế; 03 đơn vị còn lại là Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau và Trường Cao đẳng Cộng đồng đang xây dựng Đề án kiến toàn tổ chức hoặc có chủ trương sáp nhập. Riêng Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

- Sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, hạn chế tình trạng ngân sách nhà nước phải cấp bù kinh phí hoạt động cho các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động. Tiếp tục cổ phần hóa Ban Điều hành Bến tàu, xe Cà Mau theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ; tuy nhiên, việc xác định giá trị doanh nghiệp đã quá 12 tháng, do đó phải thay đổi thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến 31/12/2018 và theo kế hoạch sẽ tổ chức bán cổ phần lần đầu và chuyển thành công ty cổ phần trong quý III năm 2019; tuy nhiên, hiện nay đơn vị chưa thực hiện việc bán cổ phần theo quy định do còn vướng mắc trong

việc lập, phê duyệt Phương án sử dụng đất. Tập trung chỉ đạo cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ (Nhà khách Cà Mau trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng); theo đó, hiện nay các đơn vị đang tiến hành các bước để lập Phương án cổ phần hóa theo quy định.

*h) Trong quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách*

Việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Phát triển đất, Quỹ Bảo vệ môi trường, Quỹ Hỗ trợ nông dân, Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã) được thực hiện theo đúng quy định; bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của các Quỹ, qua đó có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý và sử dụng các Quỹ. Nhìn chung, các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước của tỉnh hoạt động hiệu quả, góp phần cùng với ngân sách nhà nước thực hiện một số mục tiêu kinh tế - xã hội cụ thể trên địa bàn tỉnh; đặc biệt là tạm ứng, cho vay, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

Riêng Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh đi vào hoạt động từ cuối năm 2009, vốn điều lệ từ ngân sách tỉnh cấp là 14,5 tỷ đồng; nhiều Hợp tác xã được vay từ Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã trong điều kiện khó tiếp cận được nguồn vốn từ các ngân hàng thương mại đã góp phần tháo gỡ khó khăn về vốn, giúp Hợp tác xã duy trì, mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo thêm việc làm, thu nhập cho hàng nghìn thành viên và người lao động.

Ngoài ra, thực hiện kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Đề án thành lập Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Cà Mau; hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang tập trung tiến hành các bước để xây dựng Đề án thành lập theo quy định.

*i) Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp*

Thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại các doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào trong sản xuất; không ngừng nghiên cứu, xây dựng các giải pháp tiết giảm tối đa chi phí; tăng cường quản lý định mức tiêu hao để hạ giá thành; nâng cao năng suất lao động; thường xuyên phát động các phong trào thi đua thực hành tiết kiệm, tìm tòi sáng kiến trong sản xuất, kinh doanh,... từ đó, nâng cao hiệu quả, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Nhờ làm tốt các biện pháp nêu trên, trong năm 2019, các doanh nghiệp đã tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh 5,04 tỷ đồng, bằng 85% so với cùng kỳ và tăng 7% so với kế hoạch.

Tiếp tục thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau theo kế hoạch. Riêng việc sắp xếp, đổi mới mô hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Phương án



thực hiện; sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ triển khai thực hiện theo quy định.

### **3. Đánh giá chung**

#### *a) Ưu điểm*

- Công tác THPTK, CLP luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy; sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng nhân dân tỉnh và sự điều hành chủ động, linh hoạt của Ủy ban nhân dân tỉnh trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội; từ đó, các chủ trương, chính sách và giải pháp THPTK, CLP đã được triển khai thực hiện nhất quán từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã, góp phần nâng cao chất lượng trong công tác phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi các hành vi lãng phí.

- Các giải pháp tăng cường THPTK, CLP được triển khai thực hiện mang lại kết quả tích cực như: Thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, triệt để tiết kiệm ngân sách nhà nước ngay từ khâu lập, phân bổ và giao dự toán theo chỉ đạo của Trung ương; tiết kiệm chi quản lý hành chính, mua sắm, sửa chữa tài sản và tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi,... với số tiền 31,32 tỷ đồng; tiết kiệm trong đầu tư xây dựng cơ bản 60,84 tỷ đồng; việc quản lý thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, tài sản công được thực hiện đúng quy định; Đề án quản lý xe ô tô công tập trung trên địa bàn tỉnh Cà Mau được tiếp tục thực hiện, mang lại nhiều kết quả tích cực; mua sắm tài sản theo phương thức tập trung, không mua sắm xe ô tô, trang thiết bị đắt tiền, góp phần tiết kiệm cho ngân sách nhà nước; việc khai thác nguồn năng lượng tái tạo đang được quan tâm, tích cực thực hiện; công tác sắp xếp, tinh gọn bộ máy của các cơ quan, đơn vị được đẩy mạnh gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, năng lực công tác, phù hợp với chức danh, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm cũng như nhiệm vụ trong tình hình mới; nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thi hành công vụ, ý thức chấp hành giờ giấc, thái độ làm việc,... được cải thiện đáng kể.

#### *b) Hạn chế*

- Tình hình giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn chậm do phải thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư (phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phát hành hồ sơ mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng,...), lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng,... đối với các dự án khởi công mới trong năm 2019; một số dự án vướng mắc trong khâu bồi hoàn, giải phóng mặt bằng, đặc biệt là các dự án được bố trí kế hoạch vốn lớn. Ngoài ra, do các tháng đầu năm 2019, các chủ đầu tư tập trung giải ngân kế hoạch vốn năm 2018 được phép giải ngân đến 31/01/2019 và kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang năm 2019; một số dự án phải điều chỉnh chủ trương đầu tư mất nhiều thời gian.

- Công tác THPTK, CLP từng lúc, từng nơi vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, vẫn còn tình trạng lãng phí xảy ra ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực như: Việc sử dụng đất không đúng mục đích, không hiệu quả dẫn đến bị thu hồi, khai thác đất mặt, khai thác lâm sản và nguồn lợi thủy sản trái phép vẫn còn diễn ra; việc quản lý tài nguyên nước sau khi cấp phép chưa được chặt chẽ; vẫn còn tình trạng chi

ngân sách nhà nước không đúng tiêu chuẩn, định mức; công tác sắp xếp, cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm.

- Công tác lập, phân bổ dự toán chưa sát với tình hình thực tế và chưa gắn với khả năng thực hiện nhiệm vụ, dẫn đến phải điều chỉnh, thu hồi, cắt giảm dự toán lớn.

- Việc thực hiện trình tự, thủ tục hồ sơ các dự án điện gió còn chậm; chủ yếu là vướng mắc trong hồ sơ, thủ tục giao khu vực biển, bổ sung quy hoạch, nhà đầu tư có yếu tố nước ngoài,...

## **II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2020**

Trên cơ sở kết quả đạt được và những hạn chế trong công tác THPTK, CLP năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2020 như sau:

### **1. Trong công tác quán triệt, tuyên truyền về THPTK, CLP**

Tập trung thực hiện công tác quán triệt, tuyên truyền, giáo dục nhận thức, ý thức trong THPTK, CLP. Nâng cao tinh thần trách nhiệm và vai trò của các cơ quan báo, đài trong công tác tuyên truyền THPTK, CLP. Tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm công vụ; đặc biệt, chú trọng tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong THPTK, CLP theo quy định tại Nghị định số 103/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ.

### **2. Trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước**

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác lập, phân bổ, giao dự toán chi ngân sách hàng năm; đảm bảo sát với tình hình thực tế, phục vụ tốt cho quá trình thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; hạn chế tình trạng chi không hết dự toán phải thu hồi vào thời điểm cuối năm.

- Siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách, thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đúng quy định của pháp luật. Chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; không ứng trước dự toán ngân sách nhà nước và hạn chế chuyển nguồn ngân sách; thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ gắn với dự toán kinh phí được giao; thu hồi, cắt giảm dự toán đối với các khoản kinh phí dôi dư sau khi thực hiện nhiệm vụ hoặc dự kiến không thực hiện chi hết trong năm ngân sách để bố trí cho các nhiệm vụ chi cấp bách, bức thiết khác.

- Tiếp tục kiện toàn, nâng cao hiệu quả thực hiện Đề án thí điểm quản lý xe ô tô công tập trung của các đơn vị cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Hoàn thành việc phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

- Kiểm tra, rà soát tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm kịp thời phát hiện và chấn chỉnh, có biện pháp xử lý đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản công không đúng quy định, gây lãng

phí, thất thoát. Chỉ đạo các đơn vị có tài sản công sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết xây dựng đề án trình cấp thẩm quyền phê duyệt để thực hiện theo quy định Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

### **3. Trong quản lý đầu tư xây dựng**

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công; triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đầu tư công năm 2020, cũng như Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tất cả các khâu trong quá trình đầu tư; đảm bảo công khai, minh bạch trong đấu thầu thông qua việc tăng cường đấu thầu, chào hàng cạnh tranh qua mạng, hạn chế tối đa việc chỉ định thầu các dự án đầu tư.

- Thực hiện tiết kiệm từ quy hoạch, chủ trương đầu tư; cắt giảm 100% các dự án không nằm trong quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; cắt, giảm, tạm dừng các hạng mục công trình chưa thực sự cần thiết hoặc hiệu quả đầu tư thấp; không để phát sinh thêm và xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Nâng cao chất lượng công tác khảo sát, thiết kế, giải pháp thi công; hạn chế các nội dung phát sinh dẫn đến phải điều chỉnh thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình.

- Tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định của nhà nước nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và thời hạn giải ngân, sử dụng vốn hiệu quả. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước.

### **4. Trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu và chương trình mục tiêu quốc gia**

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thực hiện các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia theo kế hoạch được phê duyệt; sớm phân bổ nguồn vốn thực hiện ngay từ đầu năm 2020, phấn đấu giải ngân hết kế hoạch vốn trong năm. Thực hiện nhân rộng mô hình giảm nghèo hiệu quả, phát huy các sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng.

- Thực hiện các chương trình mục tiêu được phê duyệt theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28/8/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

### **5. Trong quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên**

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sử dụng năng lượng tái tạo, đặc biệt là các dự án đã có chủ trương đầu tư. Rà soát, xây dựng, hoàn thiện các quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là quy hoạch điện mặt trời, làm cơ sở để thu hút, mời gọi đầu tư.

- Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo và các nguyên liệu mới, thân thiện với môi trường; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về tác hại của chất thải nhựa, túi ni-lông đối với kinh tế - xã hội, môi trường và sức khỏe con người; giảm tiêu thụ, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa đến cộng đồng và người dân. Các doanh nghiệp, siêu thị, chợ, trung tâm thương mại sử dụng các sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường, từng bước giảm đến mức thấp nhất, hạn chế sản phẩm nhựa dùng một lần, khó phân hủy.

- Quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất đai, khắc phục tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích. Khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước. Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên và các quy định của pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng. Chủ động ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, nhất là dông, lốc xoáy, sét đánh, sạt lở để bảo vệ người, tài sản và hoạt động sản xuất của nhân dân. Thực hiện tốt kế hoạch khắc phục ô nhiễm môi trường; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm, triệt để tình trạng phá rừng và khai thác rừng bất hợp pháp; thường xuyên kiểm tra để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp khai thác đất mặt, đất bùn dưới lòng sông trái phép; chấn chỉnh, xử lý những vi phạm trong việc khai thác tài nguyên nước sau cấp phép.

## **6. Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước**

- Thực hiện quản lý chặt chẽ thời giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và bảo đảm hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thường xuyên rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án tinh giản biên chế tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2021 đã được phê duyệt tại Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, làm cơ sở thực hiện trong những năm còn lại của Đề án cũng như cho giai đoạn tiếp theo.

- Nâng cao chất lượng, trách nhiệm trong thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, mạnh dạn tinh giản biên chế đối với các trường hợp yếu kém, hạn chế về năng lực, đạo đức ở mọi lứa tuổi; tập trung nâng cao chất lượng xây dựng đề án vị trí việc làm, trong đó cần xác định thật cụ thể nhiệm vụ đảm nhận, yêu cầu trình độ chuyên môn nghiệp vụ của từng vị trí; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ được giao; xử lý nghiêm các hành vi những nhiều, tiêu cực, vi phạm pháp luật, sách nhiễu người dân và doanh nghiệp.

- Trình cấp thẩm quyền xem xét, giải thể Sở Ngoại vụ; tiếp tục rà soát, sắp xếp, sáp nhập các phòng, ban, bộ phận, đơn vị trực thuộc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối.

## **7. Trong quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách**

- Thực hiện nghiêm việc quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách đúng theo Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

Từng bước đổi mới cơ chế tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước theo mô hình tự bảo đảm chi phí hoạt động.

- Tập trung rà soát các quy định hiện hành liên quan đến việc thành lập, hoạt động và quản lý đối với các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước, trong đó phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phải được tổng hợp đầy đủ trong dự toán và quyết toán hàng năm của các quỹ; đánh giá hiệu quả các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước đang hoạt động để có giải pháp nâng cao hiệu quả trong quản lý và sử dụng các quỹ.

- Hoàn thành việc thành lập Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Cà Mau.

#### **8. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại các doanh nghiệp nhà nước**

- Tiếp tục hoàn thiện Phương án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển thành Công ty TNHH hai thành viên theo đề nghị của các Bộ, ngành Trung ương; hoàn thành công tác cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập đã có chủ trương của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, tiếp tục rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện.

- Triệt để tiết kiệm năng lượng, vật tư, chi phí đầu vào; ứng dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; đăng ký và thực hiện tiết giảm chi phí quản lý (từ 5% trở lên), trong đó, tiết giảm tối đa chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng đại lý, chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, chi phí năng lượng; xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường.

- Thường xuyên theo dõi tình hình quản lý, sử dụng tài sản, quản lý tài chính của các doanh nghiệp nhà nước; thực hiện kiểm toán bắt buộc và công khai tài chính trong các doanh nghiệp, kịp thời phát hiện, xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hành vi gây lãng phí vốn, tài sản, lao động, tài nguyên thiên nhiên.

Trên đây là báo cáo tình hình THTK, CLP năm 2019 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh (gửi kèm theo Phụ lục số 02)./.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Phòng KT (Đ06.08);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Văn Bi**




**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2019**

(Kèm theo Báo cáo số 270/BC-UBND ngày 13/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)


STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2018	Kế hoạch của năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	Văn bản	28	21	33	18%		
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	Văn bản	28	18	19	69%		
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	45	34	36	80%		
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	Vụ	4		3	75%		
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	Triệu đồng	33	73	483	7%		
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>							
<b>1</b>	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	Triệu đồng	138.915	120.040	120.040	86%	100%	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2018	Kế hoạch của năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	<i>Trong đó:</i>							
	Tiết kiệm 10% kinh phí thường lần đầu năm 2018; năm 2019: 01 lần	Triệu đồng	116.676	120.040	120.040			
	Tiết kiệm thêm 3% hoạt động thường xuyên (không bao gồm kinh phí hoạt động sự nghiệp giáo dục) duy tu, sửa chữa hạ tầng nông thôn	Triệu đồng	22.239					
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
<b>2</b>	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>		<b>41.570</b>	<b>26.910</b>	<b>31.322</b>	<b>75%</b>	<b>116%</b>	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		21.586	18.551	20.184			Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	Triệu đồng	2.697	2.360	2.553			
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	Triệu đồng	1.469	1.319	1.523			
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	Triệu đồng	2.302	2.104	2.564			
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Triệu đồng	1.854	1.182	1.337			
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	Triệu đồng	983	917	1.162			
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	Triệu đồng	5.758	4.831	4.382			
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	Triệu đồng	1.016	1.267	1.361			
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	Triệu đồng	3.203	2.096	2.493			
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	Triệu đồng	2.304	2.475	2.809			
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		6.310	2.191	4.867	77%	222%	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	Triệu đồng	94	6				


STT	 Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2018	Kế hoạch của năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		6.216	2.185	4.867			Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>Triệu đồng</i>	207		2.300			
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>Triệu đồng</i>	5.981	2.180	2.237			
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>			58			
	<i>Các nội dung khác</i>		28	5	272			
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Triệu đồng	2.569	5.225	2.486			
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	Triệu đồng	640	612	600			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	Triệu đồng		31	80			
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	Triệu đồng	10.332	300	60			
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	Triệu đồng	133		3.045			
<b>3</b>	<b>Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ</b>							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	Đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	Triệu đồng						
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>III</b>	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>							
<b>1</b>	<b>Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ (xe gắn máy)	Chiếc	88		64	73%		
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	Chiếc	2					




STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2018	Kế hoạch của năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc	6		4	67%		
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Tài sản khác</b>							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	Tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	Tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	Triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>IV</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</b>							
<b>1</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	Dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	37.053	20.165	60.836	164%	302%	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng	9.799	2.670	6.500	66%	243%	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	Triệu đồng	12.268	14.551	38.777	316%	266%	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng	4.438	1.719	1.581	36%	92%	
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	10.548	1.225	13.978	133%	1141%	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	Triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							

STT	 Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2018	Kế hoạch của năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	Số lượng	Dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	Triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Trụ sở làm việc</b>							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m <sup>2</sup>	851.581		125.667	15%		
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m <sup>2</sup>	334.954		125.667	36%		
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m <sup>2</sup>	42.617		2.919	7%		
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m <sup>2</sup>						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m <sup>2</sup>						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	Triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Nhà công vụ</b>							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m <sup>2</sup>	5.311		4.649	88%		
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m <sup>2</sup>						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m <sup>2</sup>						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m <sup>2</sup>						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m <sup>2</sup>						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Triệu đồng						
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>V</b>	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>							
<b>1</b>	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2018	Kế hoạch của năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m <sup>2</sup>			287.470			Kiến nghị thu hồi
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m <sup>2</sup>						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
<b>2</b>	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	Vụ	190		107			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	694		565			
<b>3</b>	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	Dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	Triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>VI</b>	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>							
<b>1</b>	<b>Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động</b>	Vụ						
<b>2</b>	<b>Số tiền xử lý vi phạm thu được</b>	Triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>VII</b>	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>							
<b>1</b>	<b>Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh</b>		5.916	722	5.038	85%	7%	
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng	498	110	250	50%	227%	

STT	 Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2018	Kế hoạch của năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng	337	71	1.075	319%	1514%	
	<i>Tiết kiệm điện</i>	<i>Kw/h</i>						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>Tấn (lít)</i>						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	4.541	131	3.303	73%	2521%	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Triệu đồng	20					
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	Triệu đồng	260	250	250	96%	100%	
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Triệu đồng	260	160	160	62%	100%	
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án	2	2				
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án	2	2				
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được		15.172	6.129	12.248	80%	200%	
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>Triệu đồng</i>	306	220	16			
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, ...</i>	<i>Triệu đồng</i>	7.280	5.909	6.108			
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>Triệu đồng</i>						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>Triệu đồng</i>	7.586		6.124			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>Dự án</i>						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>Triệu đồng</i>						
2.5	Các nội dung khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2018	Kế hoạch của năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
<b>3</b>	<b>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN</b>							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	Triệu đồng						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	Triệu đồng						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	Triệu đồng						
<b>4</b>	<b>Mua sắm phương tiện</b>							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	Chiếc	6		6			
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	Chiếc						
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	Triệu đồng						
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	Chiếc						
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	Triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc						
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	Chiếc						
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	Triệu đồng						
<b>5</b>	<b>Nợ phải thu khó đòi</b>							
	Số đầu kỳ	Triệu đồng	22.429	16.636	17.660	79%	106%	
	Số cuối kỳ	Triệu đồng	18.599	5.190	15.763	85%	101%	
<b>6</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>							
	Số đầu năm	Triệu đồng	568.005	94.405	594.774	105%	630%	

STT	 Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2018	Kế hoạch của năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	Số cuối kỳ	Triệu đồng	578.988	94.795	595.686	103%	628%	
<b>VIII</b>	<b>Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân</b>							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ	54.467		26.064	48%		
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ			4			
<b>IX</b>	<b>Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP</b>							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc	16		15	94%		
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	Cuộc	15		3	20%		
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị	21		15	71%		
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	Cơ quan/tổ chức/đơn vị	3		3	100%		
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Triệu đồng	84		708	843%		
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	Triệu đồng	88		321	365%		